

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2026/HS-PT
Ngày: 23/6/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Diệu Hiền**

Các Thẩm phán: Bà **Trần Thị Chọn**

Ông Võ Thanh Huyền

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Tấn Đạt** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Ông **Trang Minh Tú** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2026/TLPT-HS ngày 05 tháng 01 năm 2026 do có kháng cáo nguyên đơn dân sự là Công ty Cổ phần D đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2025/HS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - tỉnh An Giang.

- *Nguyên đơn dân sự:* **Công ty Cổ phần D.**

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn Hùng C** - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1974 - Chức vụ: Giám đốc. (Có mặt)

Số CCCD: 091074000192

Địa chỉ: Khu phố K, đặc khu P, tỉnh An Giang.

Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1979 (Có mặt)

Số CCCD: 075079000097

Địa chỉ: Sân bay T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh

- Bị đơn dân sự:

1. Công ty Cổ phần T7.

Địa chỉ: F - F H, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Hồ H1** - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Quốc T1**, sinh năm: 1966. (Có mặt)

Số CCCD: 091066006172

Địa chỉ: Khu phố D D, đặc khu P, tỉnh An Giang.

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn T7.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ H1 - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Quốc T1**, sinh năm: 1966. (Có mặt)

Số CCCD: 091066006172

Địa chỉ: Khu phố D D, đặc khu P, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của 02 bị đơn dân sự: Luật sư **Hà Đăng L** - Đoàn Luật sư Thành phố H. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Danh Quang T2**, sinh năm: 1970 (Chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Danh Quang T2:

Bà **Phạm Thị Bé B**, sinh năm: 1973 (vợ ông T2, vắng).

Anh **Danh Thành T3**, sinh năm: 1999 (con ông T2, vắng).

Cùng địa chỉ: Khu phố B, đặc khu P, tỉnh An Giang.

Bà **Đặng Thị K**, sinh năm: 1949 (mẹ ông T2, vắng).

Người đại diện theo ủy quyền của anh Danh Thành T3: Bà Đặng Thị Kim .
(Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố D D, đặc khu P, tỉnh An Giang.

2. Tổng Công ty B2.

Địa chỉ: Số C Phố H, phường H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Xuân V** - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Dương Vĩnh T4**, sinh năm 1984

Số CCCD: 089084003971

- **Bị cáo: Nguyễn Văn S**, sinh năm 1987. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã H, thành phố P, tỉnh Kiên Giang, nay là khu phố R, đặc khu P, tỉnh An Giang.

Bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc, nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - An Giang truy tố về tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*” theo điểm b, đ khoản 2 Điều 202 BLHS năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Đã xét xử về phần hình sự có hiệu lực pháp luật, đã chấp hành án xong.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ 55 phút ngày 27/7/2015, Nguyễn Văn S sau khi uống bia tại khu phố E, thị trấn D, huyện P điều khiển xe taxi biển số 68A-022.71 (xe của ông Danh Quang T2 đã giao cho Công ty TNHH T7 kinh doanh) chở 01 người khách tên Lê Đình S1 đi từ thị trấn D đến ấp Đ, xã D, huyện P. Khi đến 01 đoạn đường cong tại khu phố G, thị trấn D, S chạy lấn qua bên trái hướng đi đụng vào xe taxi biển số 51A- 600.20 (xe của Công ty S2) do anh Tô Văn T5 điều khiển chạy chiều ngược lại, trên xe chở 04 người khách tên Tô Văn T6, Ngô Tấn Đ, Cao Thái B1 và Đoàn Văn M, làm 02 xe ô tô hư hỏng nặng và làm bị thương 07 người.

Tang vật thu giữ: 01 xe ô tô biển số 51A- 600.20; 01 xe ô tô biển số 68A-022.71.

Tại kết luận giám định pháp y về thương tích số: 114/KL-PY, ngày 02/3/2017 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế Thành phố H kết luận: Anh Lê Đình S1 tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 72%.

Tại bản kết luận về giá trị tài sản trong tố tụng hình sự số: 62/KL-HĐĐG, ngày 15/11/2016 của Hội đồng định giá tài sản huyện P kết luận: Xe ô tô 51A-600.20 hiệu TOYOTA, số hiệu INNOVA và xe ô tô 68A-022.71 hiệu TOYOTA, loại INNOVA bị thiệt hại tổng cộng 703.707.500 đồng.

Tại phiếu xét nghiệm bệnh án số 007370, ngày 28/7/2017 của Bệnh viện Đa khoa huyện P xác định nồng độ cồn trong máu của Nguyễn Văn S là 7mg/dl và

phiếu Tester nồng độ cồn của Cảnh sát giao thông Công an huyện P số 03491047 ngày 28/7/2017 đối với Nguyễn Văn S có kết quả là 0,235mg/l.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 103/2017/HS-ST ngày 13/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*”. Áp dụng điểm b, đ khoản 2 Điều 202, điểm b, p khoản 1 và 2 Điều 46, Điều 47; Điều 33 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo vào chấp hành hình phạt.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc Công ty Cổ phần T7 phải bồi thường cho Công ty Cổ phần D giá trị thiệt hại của xe ô tô hiệu TOYOTA, loại INNOVA, biển kiểm soát 51A-600.20 và chi phí phát sinh thuê xe cầu kéo tổng cộng là 348.239.500 đồng.

Tại bản án hình sự phúc thẩm số 95/2018/HS-PT ngày 18/4/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang quyết định:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn dân sự Công ty Cổ phần T7: Hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm số 103/2017/HS-ST ngày 13/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đối với phần xử lý trách nhiệm dân sự và án phí dân sự sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm điều tra lại theo đúng quy định pháp luật.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 99/2020/HS-ST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang quyết định:

Về trách nhiệm dân sự: Buộc những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Danh Quang T2 gồm: Bà Đặng Thị K (mẹ ruột); bà Phạm Thị Bé B (vợ ông T2) và anh Danh Thành T3 (con ông T2) có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty Cổ phần D số tiền 348.239.500 đồng.

Tại bản án hình sự phúc thẩm số 47/2021/HS-PT ngày 19/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang quyết định:

Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 99/2020/HS-ST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đối với phần xử lý trách nhiệm dân sự, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm điều tra lại theo đúng quy định pháp luật.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2025/HS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - tỉnh An Giang đã quyết định:

- Căn cứ các Điều 277, 292, 327, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 398, 399, 400, 401, 584, 586, 589, 601 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về trách nhiệm hình sự:* Đã có hiệu lực pháp luật, bị cáo Nguyễn Văn S đã chấp hành xong hình phạt, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. *Về trách nhiệm dân sự:* Chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của Công ty Cổ phần D.

Buộc ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho Công ty Cổ phần D số tiền 348.239.500 đồng (*ba trăm bốn mươi tám triệu hai trăm ba mươi chín nghìn năm trăm đồng*). (trong đó bao gồm thiệt hại tài sản theo định giá tài sản là 339.339.500 đồng, chi phí xe cẩu và các chi phí khác là 8.900.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 07 tháng 10 năm 2025, nguyên đơn dân sự là Công ty Cổ phần D có đơn kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2025/HS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – tỉnh An Giang; yêu cầu Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét tuyên Công ty Cổ phần T7 bồi thường thiệt hại cho Công ty Cổ phần D

Tại phiên tòa phúc thẩm: Công ty Cổ phần D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị buộc Công ty Cổ phần T7 bồi thường thiệt hại cho Công ty D, vì bị

cáo Nguyễn Văn S là tài xế lái xe taxi của Công ty T7 nên theo quy định của Điều 602 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì Công ty T7 phải bồi thường thiệt hại do người làm công của mình gây ra.

Đại diện Viện kiểm sát tỉnh An Giang phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về trách nhiệm hình sự: Đã có hiệu lực nên không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Xét kháng cáo của Công ty Cổ phần D thấy rằng: Tại thời điểm xảy ra tại nạn Công ty T7 là bên chiếm hữu, khai thác hợp pháp đối với xe ô tô BKS 68A-022.71 (xe gây tai nạn) theo hợp đồng hợp tác ngày 01/01/2015.

Công ty T7 đã giao nhiệm vụ cho tài xế Nguyễn Văn S (tài xế ký hợp đồng lao động với Công ty T7) thực hiện nhiệm vụ lái xe taxi chở khách hàng đặt xe T7. Quá trình chở khách, Nguyễn Văn S đã gây tai nạn giao thông, gây thiệt hại. Nên theo quy định tại Điều 597, 601 Bộ luật Dân sự, Công ty T7 phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do người của pháp nhân mình gây ra trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và có quyền khởi kiện đòi lại số tiền đã bồi thường trong trường hợp người đó có lỗi, hoặc yêu cầu chủ sở hữu thực hiện theo điều khoản thỏa thuận khi ký kết hợp đồng hợp tác (chủ sở hữu phải chịu hoàn toàn nghĩa vụ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng).

Từ những căn cứ trên, bản án sơ thẩm buộc bị cáo S phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự là không đúng quy định. Đề nghị căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm d khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn dân sự trong vụ án, buộc Công ty T7 có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty cổ phần D số tiền thiệt hại bằng 348.239.500 đồng.

** Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty Cổ phần T7 đại diện cho Công ty P quan điểm tranh luận:* Nghiên cứu các biên bản phiên tòa, các bản án phúc thẩm của Tòa án đều không có nội dung khẳng định Công ty T7 có nghĩa vụ bồi thường, cũng không có nội dung nào cho rằng ông T2 (chủ sở hữu tài sản) không có nghĩa vụ bồi thường. Nên bản án sơ thẩm hiện nay đã giải quyết đúng bản chất vụ án.

Ông Danh Quang T2 là chủ sở hữu xe ô tô gây tai nạn, khi ký hợp đồng hợp tác với Công ty T7 có thỏa thuận rõ trong trường hợp xảy ra sự kiện bồi thường thiệt hại thì chủ sở hữu phải chịu toàn bộ trách nhiệm bồi thường, thỏa thuận này phù hợp với khoản 2 Điều 601 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, mặc dù ông T2 ký hợp đồng hợp tác với Công ty T7 nhưng ông không giao xe cho Công ty, ông T2 chỉ kinh doanh trên nhãn hiệu của Mai L1 và trả cho Công ty F doanh thu. Thời điểm xảy ra tai nạn ông T2 bị bệnh không lái xe được nên liên hệ Công ty để công ty liên hệ với tài xế S, từ đó ông T2 trực tiếp giao xe cho tài xế S chạy. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn dân sự trong vụ án.

** Đại diện Công ty S2 phát biểu quan điểm tranh luận:* Bản án sơ thẩm buộc bị cáo S bồi thường thiệt hại trong trường hợp bị cáo đang thực hiện nhiệm vụ lái xe cho pháp nhân Công ty T7 là không đúng quy định.

Đối với các điều khoản thỏa thuận hợp tác giữa T7 là ông Danh Quang T2 trình bày tại tòa, đó là thỏa thuận nội bộ giữa hai bên, không có hiệu lực với người thứ ba là bên bị thiệt hại. Trong thỏa thuận đó, Mai L1 có thể kiện đòi bên ông T2 trả lại tiền sau khi đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường. Hơn nữa, nếu Mai L1 muốn áp dụng thỏa thuận đó thì cũng không phù hợp với bản án, vì bản án sơ thẩm buộc bị cáo S bồi thường.

Công ty S2 khẳng định từ trước đến nay chỉ yêu cầu Công ty T7 phải có trách nhiệm bồi thường. Việc bản án xét xử bị hủy nhiều lần, dẫn đến thiệt hại của công ty không được bồi thường. Hiện nay bị cáo S chấp hành án xong, bỏ địa phương đi đâu không rõ, bản án sơ thẩm lại buộc bị cáo S bồi thường thì cũng như không bồi thường cho bên công ty.

Đề nghị chấp nhận kháng cáo của Công ty S2, buộc Công ty T7 có trách nhiệm bồi thường theo đúng quy định của Bộ luật Dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn dân sự về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn S, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Danh Quang T2 (chết) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, căn cứ Điều 351 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về trách nhiệm hình sự, đã có hiệu lực pháp luật, bản án sơ thẩm không xem xét là đúng quy định.

[3] Về trách nhiệm bồi thường: Xét kháng cáo của nguyên đơn dân sự Công ty Cổ phần D (gọi tắt là Công ty S2) yêu cầu buộc Công ty cổ phần T7 (gọi tắt là Công ty T7) bồi thường thiệt hại tài sản do tài xế lái xe taxi T7 Nguyễn Văn S gây tai nạn giao thông làm hư hỏng xe ô tô hiệu TOYOTA, loại INNOVA, biển kiểm soát 51A-600.20 và chi phí phát sinh thuê xe cầu kéo tổng cộng là 348.239.500 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trên cơ sở kết quả điều tra và các bản án xét xử đã xác định, bị cáo Nguyễn Văn S là tài xế ký hợp đồng lao động với Công ty cổ phần T7 (chi nhánh là Công ty T7). Ngày 27/7/2015, khi S đang thực hiện nhiệm vụ chạy xe taxi biển số 68A-022.71 (xe của ông Danh Quang T2 đã ký kết hợp đồng hợp tác, giao cho Công ty T7 kinh doanh) chở ông Lê Đình S1 đi từ thị trấn D đến ấp Đ, xã D, huyện P thì gây tai nạn cho xe ô tô biển kiểm soát 51A-600.20 của Công ty S2.

Hậu quả vụ tai nạn làm cho ông Lê Đình S1 bị thương tích 71%, xe ô tô 51A-600.20 bị hư hỏng nặng qua định giá thiệt hại 339.339.500 đồng, chi phí xe cầu và các chi phí khác là 8.900.000 đồng. Về thiệt hại sức khỏe của ông Lê Đình S1, Công ty T7 đã bồi thường xong. Về thiệt hại của Công ty S2 các bên không thỏa thuận được nghĩa vụ bồi thường.

- Nghĩa vụ bồi thường trong vụ án được xác định như sau: Xe ô tô Innovae bị cáo S điều khiển gây tai nạn là của ông Danh Quang T2. Ngày 01/01/2015 ông T2 ký hợp đồng hợp tác thời hạn 02 năm 08 tháng với Công ty cổ phần T7 (bl367-372), theo đó xe ô tô được dùng làm tài sản góp vốn. Mục 1.8 Điều 1 hợp đồng xác định người sử dụng tài sản hợp tác kinh doanh là người ký kết hợp đồng lao động với bên B (Công ty T7) hoặc một trong các hệ thống của bên B, có thể do bên A đề xuất và được bên B đồng ý hoặc do bên B phân công..”.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 13/9/2017 (bl277), đại diện Công ty T7 ông Nguyễn Trần Quang H2 xác nhận xe ô tô InnovaE là do Công ty T7 giao cho bị cáo S lái và bị cáo S là người của Công ty (Hợp đồng lao động ký lần 2 với chi nhánh Công ty T7 ngày 09/7/2015 bl217). Cụ thể lời khai (bl601) đại diện T7 khẳng định, mỗi xe taxi có 02 tài xế hoạt động ngày đêm, ngày xảy ra tai nạn Nguyễn Thế H3 là người điều bị cáo S đi chở khách.

Do đó, đủ cơ sở xác định: Tại thời điểm gây tai nạn xe ô tô 68A-022.71 do ông Danh Quang T2 đứng tên chủ sở hữu nhưng đang được giao cho T7 kinh doanh, thuộc quyền điều động, quản lý của Công ty T7 và tài xế S cũng là người do Công ty T7 phân công thực hiện công việc chở khách hàng của taxi T7.

Đối chiếu với quy định tại Điều 618, 623 Bộ luật Dân sự năm 2005 tương ứng với Điều 597, 601 Bộ luật Dân sự năm 2015, về bồi thường thiệt hại do người của pháp nhân gây ra và bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra.

“Pháp nhân phải bồi thường thiệt hại do người của mình gây ra khi thực hiện nhiệm vụ do pháp nhân giao..”

“Chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra; nếu chủ sở hữu đã giao cho người khác chiếm hữu, sử dụng thì người này phải bồi thường...”

Trong trường hợp này, thì Công ty Cổ phần T7 là pháp nhân có nghĩa vụ phải bồi thường thiệt hại trong vụ án.

Bản án sơ thẩm buộc bị cáo S phải bồi thường cho Công ty S2 là chưa xem xét đến quy định của pháp luật dân sự về nguyên tắc bồi thường thiệt hại. Từ đó, cần căn cứ Điều 355 và Điều 357 BLTTHS sửa bản án sơ thẩm phân trách nhiệm bồi thường như đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở.

- Về mức bồi thường, các bên không tranh chấp. Công ty B3 không có nghĩa vụ bồi thường (tài xế có sử dụng rượu bia). Công ty T7 phải bồi thường toàn bộ thiệt hại này. Đồng thời, sau khi thực hiện nghĩa vụ bồi thường Công ty T7 được quyền khởi kiện yêu cầu bị cáo S phải hoàn trả một khoản tiền, hoặc trong trường hợp giữa Công ty T7 và ông Danh Quang T2 có thỏa thuận trách nhiệm bồi thường thuộc về chủ sở hữu thì Công ty T7 có quyền căn cứ vào điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng hợp tác để khởi kiện yêu cầu người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông T2 (ông T2 đã chết) hoàn trả số tiền đã bồi thường theo quy định.

Nhận định thêm về tố tụng của vụ án: Phần bồi thường dân sự theo quy định tại Điều 30 BLTTHS phải được giải quyết trong vụ án hình sự, theo thủ tục tố tụng hình sự. Vụ án xảy ra từ năm 2015 kéo dài cho đến nay đã bị hủy nhiều lần làm cho thiệt hại chưa được bồi thường kịp thời. Bản án sơ thẩm, xác định không đúng trách nhiệm bồi thường trong vụ án, do áp dụng pháp luật dân sự chưa đầy đủ, xét thấy đã có đủ tài liệu chứng cứ để xét xử vụ án, nên không cần thiết phải hủy bản án, tránh kéo dài thêm thời gian tố tụng. Trong trường hợp này, sửa án buộc Công ty T7 bồi thường nhưng vẫn dành quyền khởi kiện cho Công ty T7 để yêu cầu các chủ thể khác trả lại khoản tiền đã bồi thường cũng không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên trong vụ án.

[6] Về quan điểm của Viện kiểm sát: Đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn dân sự là phù hợp với nhận định về nội dung và tố tụng, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về quan điểm của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty T7, cho rằng ông Danh Quang T2 là người quản lý và giao xe cho bị cáo S chở khách của T7 là không phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, mâu thuẫn với trình bày của đại diện Công ty T7 tại phiên tòa sơ thẩm ngày 13/9/2017. Việc quản lý, chiếm hữu, điều hành được xác định trên cơ sở quyền và nghĩa vụ của các bên theo thỏa thuận hợp đồng phù hợp với pháp luật.

Về ý kiến cho rằng do giữa ông T2 và Công ty T7 có thỏa thuận khi ký hợp đồng hợp tác, nêu rõ ông T2 là người phải bồi thường khi có sự kiện bồi thường thiệt hại xảy ra liên quan đến quá trình kinh doanh, đây là thỏa thuận khác giữa chủ sở hữu và người chiếm hữu nguồn nguy hiểm cao độ theo Điều 601 BLDS năm 2015, nên đề nghị Tòa không buộc Công ty T7 phải bồi thường. Như nhận định của Hội đồng xét xử, Công ty T7 được quyền căn cứ vào hợp đồng hợp tác đã ký kết để yêu cầu những người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông T2 thực hiện theo điều khoản đã ký kết.

(Ngoài ra, phân tích thêm về pháp luật dân sự, tại thời điểm xảy ra tai nạn chưa có văn bản hướng dẫn đối với thỏa thuận khác tại Điều 623 BLDS 2005, đến BLDS năm 2015 thì thỏa thuận khác theo Điều 601 (về việc bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra) đã được hướng dẫn theo tinh thần Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP, ngày 06/9/2022 (Điều 12) thì thỏa thuận khác của chủ sở hữu và người chiếm hữu nguồn nguy hiểm cao độ phải không nhằm trốn tránh nghĩa vụ bồi thường như liên đới cùng bồi thường, chủ sở hữu dùng tài sản bồi thường trước sau đó người chiếm hữu trả lại trong trường hợp chủ sở hữu có điều kiện bồi thường... Do vụ việc đã xảy ra trước đó nên bản án không áp dụng Nghị quyết 02 để làm căn cứ xét xử nhưng tinh thần chung phải đảm bảo nguyên tắc bồi thường thiệt hại mà Bộ luật Dân sự quy định)

[8] Về án phí: Do kháng cáo của nguyên đơn dân sự được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Về án phí dân sự có giá ngạch: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu án phí dân sự có giá ngạch, do không buộc bị cáo bồi thường trong vụ án và buộc Công ty Cổ phần T7 phải chịu án phí có giá ngạch của số tiền phải bồi thường bằng $348.239.500 \times 5\% = 17.412.000$ đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm d khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn dân sự là Công ty Cổ phần D. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 48/2025/HS-ST, ngày 23/9/2025 về phần trách nhiệm dân sự.

Áp dụng Điều 30 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 597, Điều 601 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xử:

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Buộc Công ty Cổ phần T7 có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty Cổ phần D số tiền thiệt hại tài sản bằng 348.239.500 đồng (Ba trăm bốn mươi tám triệu, hai trăm ba mươi chín nghìn, năm trăm đồng).

Dành quyền khởi kiện cho Công ty Cổ phần T7 đối với bị cáo Nguyễn Văn S để đòi lại khoản tiền đã bồi thường hoặc yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Danh Quang T2 thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng hợp tác đã ký kết giữa hai bên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Công ty Cổ phần D không phải chịu án phí.

Công ty Cổ phần T7 phải chịu án phí dân sự có giá ngạch bằng 17.412.000 đồng.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 48/2025/HS-ST, ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VCTVKS phúc thẩm tại Tp. HCM (1);
- Tòa phúc thẩm -TANDTC tại Tp . HCM (1);
- VKSND tỉnh AG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh AG (1);
- Bị cáo (1);
- Cơ quan điều tra khu vực (2)
- VKS khu vực (2)
- Tòa án khu vực (2)
- Thi hành án hình sự khu vực (2)
- Phòng thi hành án dân sự khu vực (2)
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Diệu Hiền